HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2016/NQ-HĐND	*Vị Thanh, ngày 29 tháng 02 năm 2016*

NGHỊ QUYẾT
Về cơ chế tài chính thực hiện Đề án Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2016 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA VIII KỲ HỌP THỨ 17

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 59/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá, công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu, trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 47/2012/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế công nhận trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường trung học có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia;

Triển khai thực hiện nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020;

Xét Tờ trình số 24/TTr-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Đề án Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất cơ chế tài chính thực hiện Đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2016 – 2020, với các nội dung sau:

1. Mục tiêu chung

Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo toàn diện, vững chắc, đảm bảo yêu cầu phát triển giáo dục và đào tạo theo hướng "chuẩn hóa, hiện đại hóa" không còn phòng học tạm. Tiếp tục xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mở rộng các trường, lớp học hiện có nhằm đảm bảo môi trường học tập theo quy định trường học đạt chuẩn quốc gia các cấp học, hoàn thành kế hoạch đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2020, mục tiêu phấn đấu đạt 80%/tổng số trường của tỉnh theo nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ XIII nhiệm kỳ 2015 - 2020.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Tiếp tục đầu tư hoàn thành kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2010 - 2015; hoàn chỉnh về cơ sở vật chất cho các cấp học, bậc học; hoàn thành kế hoạch thực hiện dự án chương trình kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên giai đoạn 2008 - 2012.

b) Từng bước điều chỉnh mạng lưới trường, lớp phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, giảm bớt các cụm lẻ, tăng cường ở những xã vùng sâu, vùng quy hoạch dân cư, khu công nghiệp.

c) Tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục, tiếp tục đầu tư trang thiết bị dạy học, từng bước phủ kín học tin học và ngoại ngữ ở các cấp học, bậc học.

d) Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia gắn liền với việc đạt tiêu chí xã nông thôn mới.

e) Phấn đấu đến năm 2020 toàn tỉnh có 273 trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia (tăng thêm 131 trường so với hiện nay), đạt tỷ lệ 80% trong tổng số trường học trên toàn tỉnh.

3. Giải pháp thực hiện

- Phát huy nội lực, tranh thủ sự giúp đỡ, ủng hộ của các tổ chức, doanh nghiệp, các nhà tài trợ và Nhân dân về trí tuệ, nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất trường học, xây dựng trường chuẩn quốc gia.

- Đảm bảo quỹ đất cho xây dựng trường học, nhà công vụ theo quy hoạch được duyệt.

- Đầu tư xây dựng phòng học, phòng chức năng từ các nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; chương trình kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên, nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác.

4. Kinh phí thực hiện

Tổng nhu cầu kinh phí: 694.224.000.000 đồng, trong đó:

- Lồng ghép các nguồn vốn trung ương: 183.420.000.000 đồng.

- Nguồn ngân sách tỉnh: 440.826.000.000 đồng.

- Nguồn xã hội hóa ước tính: 69.978.000.000 đồng.

(Đính kèm danh mục các dự án)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nquyết này.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang khóa VIII kỳ họp thứ 17 thông qua và có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN - TP. HCM);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Huỳnh Thanh Tạo

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 29 tháng 02 năm 2016 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020				Ghi chú
		Nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020				
		Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020	Nguồn ngân sách Trung ương (KCH &NTM)	Nguồn ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hoá	
1	2			17		19
	TỔNG SỐ	**694.224**	**183.420**	**440.826**	**69.978**	
	Tỉnh quản lý	**155.979**		**155.979**		
I	**Sở Giáo dục và Đào tạo**	**155.979**		**155.979**		
a	**- Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020**	**77.800**		**77.800**		
1	Trường THPT Lương Tâm	15.000		15.000		*
2	Trường THPT Tân Phú	5.000		5.000		*
3	Trường THPT Chuyên Vị Thanh	6.700		6.700		*
4	Trường THPT Vị Thanh	8.000		8.000		*
5	Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh Hậu Giang	2.000		2.000		*
6	Trường THPT Chiêm Thành Tấn	600		600		*
7	Trường THPT Lê Hồng Phong	10.000		10.000		*
8	Trường THPT Vị Thủy	7.000		7.000		*
9	Trường THPT Lương Thế Vinh	7.000		7.000		*
10	Trường THPT Trường Long Tây	7.000		7.000		*
11	Trường THPT Tầm Vu	2.000		2.000		*
12	Trường THPT Nguyễn Minh Quang	7.500		7.500		*
b	**- Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020**	**78.179**		**78.179**		
1	Trường THPT Châu Thành A (tách cấp 2 ra khỏi cấp 3)	25.000		25.000		*
2	Trường THPT Hòa An (tách cấp 2 ra khỏi cấp 3)	25.000		25.000		*
3	Trường THPT Vĩnh Tường (tách cấp 2 ra khỏi cấp 3)	20.000		20.000		*
4	Trường THPT Cây Dương	8.179		8.179		*
II	**Huyện quản lý**	**538.245**	**183.420**	**284.847**	**69.978**	
A	**Thành phố Vị Thanh**	**44.854**	**0**	**37.654**	**7.200**	
a	**- Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020**	**33.254**		**33.254**		
1	Sửa 02 phòng học, nhà vệ sinh và cổng rào điểm Tân Kiều thuộc Trường Mầm non Hoa Hồng, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh	280		280		*
2	Xây dựng nhà xe giáo viên, lắp dựng gương áp tường, giống múa và vách ngăn làm nhà kho Trường Mầm non Tân Tiến, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh	160		160		*
3	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi trong KDC - TĐC phường III (giai đoạn 2)	30.000		30.000		*
4	Sửa 02 phòng học, nhà vệ sinh và hàng rào điểm Thạnh Xuân thuộc Trường Tiểu học Trương Định, xã Hỏa Tiến, thành phố Vị Thanh	284		284		*
5	Sửa chữa 06 phòng lầu Trường THCS Nguyễn Viết Xuân, xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh	540		540		*
6	Nâng cấp, sửa chữa 03 phòng học, thay mái tol 06 phòng, sửa nhà vệ sinh học sinh, xây nhà bảo vệ Trường Tiểu học Chu Văn An, phường VII, thành phố Vị Thanh	1.000		1.000		*

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020				Ghi chú
		Nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020				
		Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020	Nguồn ngân sách Trung ương (KCH &NTM)	Nguồn ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hoá	
7	Nâng cấp, sửa chữa điểm Mười Thước thuộc trường Tiểu học Trần Quang Diệu, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh	450		450		*
8	Xây dựng hàng rào Trường Tiểu học Trần Quang Diệu, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh (điểm chính)	540		540		*
b	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020**	**4.400**		**4.400**		
1	Xây dựng 02 phòng học, 04 phòng chức năng Trường Mầm non Hương Sen, xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh	1.000		1.000		*
2	Nâng cấp, mở rộng Trường THCS Nguyễn Viết Xuân, xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh	2.000		2.000		*
3	Tráng sân, thoát nước và hàng rào Trường mầm non Hoa Sen xã Hỏa Tiến	1.400		1.400		*
c	**Các công trình Sở Giáo dục và Đào tạo bổ sung để đạt 80%**	**7.200**	**0**	**0**	**7.200**	
1	Trường THCS Nguyễn Việt Hồng; Hạng mục: Xây dựng 08 phòng chức năng và sửa chữa 06 phòng học (08 phòng chức năng là: thư viện, thiết bị, lý, hóa, sinh, công nghệ thông tin, phòng led, truyền thống)	7.200			7.200	**
B	**Thị xã Ngã Bảy**	**77.595**	**51.600**	**20.995**	**5.000**	
a	**- Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020**	**18.279**		**18.279**		
1	Trường Mẫu giáo Bông Sen, khu vực 6, phường Lái Hiếu	1.767		1.767		*
2	Trường Tiểu học Nguyễn Hiền, khu vực 4&7 (sơn sửa 16 phòng; nâng cấp hàng rào, sân và hệ thống thoát nước)	1.200		1.200		*
3	Trường Mẫu giáo Phong Lan ấp Bảy Thưa	392		392		*
4	Trường THCS Lê Hồng Phong (xây dựng bổ sung 06 phòng bộ môn và trang thiết bị)	4.000		4.000		*
5	Trường Mẫu giáo Phong Lan, ấp Sơn Phú 2A (xây dựng bổ sung 03 phòng học và trang thiết bị, nâng cấp, sửa chữa 14 phòng)	3.420		3.420		*
6	Trường Tiểu học Tân Thành 2, ấp Đông An 2 (xây dựng 03 phòng học, 01 phòng tin học ngoại ngữ và trang thiết bị. Nâng cấp 04 phòng học, sân, cổng rào)	3.500		3.500		*
7	Trường Tiểu học Hùng Vương (xây dựng bổ sung 03 phòng học, 01 phòng chức năng và trang thiết bị, nâng cấp, sửa chữa 36 phòng)	4.000		4.000		*
b	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020**	**2.716**		**2.716**		
1	Trường Mẫu giáo Hoa Phượng, khu vực 3 (xây dựng 03 phòng chức năng, cổng, hàng rào, sân, nhà để xe và trang thiết bị, nâng cấp, sửa chữa 07 phòng)	2.716		2.716		*
c	**Các công trình Sở Giáo dục và Đào tạo bổ sung để đạt 80%**	**56.600**	**51.600**	**0**	**5.000**	
1	Trường Tiểu học Hiệp Thành 3; Hạng mục: xây dựng 10 phòng học, 08 phòng chức năng, nhà vệ sinh, nhà xe, kí ốt bảo vệ, cổng, hàng rào, sân, hệ thống cấp - thoát nước, lò đốt rác và trang thiết bị.	15.000	10.000		5.000	**

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020				Ghi chú
		Nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020				
		Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020	Nguồn ngân sách Trung ương (KCH &NTM)	Nguồn ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hoá	
2	Trường THCS Đại Thành; Hạng mục: xây dựng bổ sung 04 phòng học, 02 phòng chức năng, 02 phòng thí nghiệm thực hành, rào, sân và trang thiết bị.	10.000	10.000			**
3	Trường Tiểu học Ngã Bảy 2; Hạng mục: xây dựng 12 phòng học, 08 phòng chức năng, nhà vệ sinh, nhà xe, ki ốt bảo vệ, cổng, hàng rào, sân, hệ thống cấp - thoát nước, lò đốt rác và trang thiết bị; Xây dựng 02 phòng học, cổng, hàng rào; nâng cấp sân, nhà vệ sinh và trang thiết bị; Nâng cấp 03 phòng học, nhà vệ sinh, 80m hàng rào và 400m² sân.	21.000	21.000			**
4	Trường Mầm non Hướng Dương; Hạng mục: xây dựng 06 phòng học, 05 phòng chức năng, kho - bếp, nhà vệ sinh, cổng, hàng rào, lát sân, hệ thống cấp - thoát nước, nhà xe và trang thiết bị theo mô hình nhà trẻ; Nâng cấp sửa chữa 20 phòng.	10.600	10.600			**
C	**Thị xã Long Mỹ**	**64.989**	**9.250**	**27.992**	**27.747**	
a	**- Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020**	**27.992**	**0**	**27.992**	**0**	
1	Nâng cấp sửa chữa Trường Tiểu học Long Phú 3	3.000		3.000		*
2	Trường THCS Tân Phú	3.000		3.000		*
3	Trường Mẫu giáo Tân Phú 1	3.000		3.000		*
4	Trường Mẫu giáo Long Phú	192		192		*
5	Trường Tiểu học thị trấn Long Mỹ	1.200		1.200		*
6	Trường Mẫu giáo thị trấn Trà Lồng	1.500		1.500		*
7	Trường Tiểu học Tân Phú 3	1.500		1.500		*
8	Trường THCS Long Phú	3.000		3.000		*
9	Trường Mẫu giáo Long Bình	1.800		1.800		*
10	Trường Tiểu học Tân Phú 1	1.800		1.800		*
11	Trường Mẫu giáo Long Trị	2.000		2.000		*
12	Trường Tiểu học Long Trị A1	3.000		3.000		*
13	Trường Mẫu giáo thị trấn Trà Lồng	3.000		3.000		*
b	**Các công trình Sở Giáo dục và Đào tạo bổ sung để đạt 80%**	**36.997**	**9.250**	**0**	**27.747**	
1	Trường Mẫu giáo Họa Mi; Hạng mục: xây dựng 08 phòng học, 06 phòng chức năng, sân, lối đi 1250m², hàng rào 274m	11.000	1.000		10.000	**
2	Trường Mẫu giáo Long Trị A; Hạng mục: mua đất mặt bằng 1000m², xây dựng 04 phòng chức năng	3.907			3.907	**
3	Trường Tiểu học Long Trị 2; Hạng mục: xây dựng 12 phòng học, 05 phòng chức năng, hàng rào 168m, sân chơi 675 m²	13.840			13.840	**
4	Trường Tiểu học Long Trị A; Hạng mục: mua đất mặt bằng 5400m², xây dựng 10 phòng học, 06 phòng chức năng, hàng rào 294m, sân, đường nội bộ 1450m²	8.250	8.250			**
D	**Huyện Long Mỹ**	**39.487**	**0**	**30.500**	**8.987**	
a	**- Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020**	**30.500**		**30.500**		
1	Trường Tiểu học Lương Tâm 1	3.000		3.000		*
2	Trường THCS Vĩnh Thuận Đông	2.000		2.000		*
3	Trường Mẫu giáo Vĩnh Viễn A	3.000		3.000		*

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020				Ghi chú
		Nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020				
		Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020	Nguồn ngân sách Trung ương (KCH &NTM)	Nguồn ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hoá	
4	Trường THCS Lương Nghĩa	3.000		3.000		*
5	Trường THCS Thuận Hòa	3.000		3.000		*
6	Trường THCS Vĩnh Viễn A	10.000		10.000		*
7	Trường Tiểu học Vĩnh Viễn A2	2.500		2.500		*
8	Trường THCS Lương Tâm	2.000		2.000		*
9	Trường Tiểu học Thuận Hưng 2	2.000		2.000		*
b	**Các công trình Sở Giáo dục và Đào tạo bổ sung để đạt 80%**	**8.987**	**0**	**0**	**8.987**	**
1	Trường Mẫu giáo Lương Tâm; Hạng mục: xây dựng 04 phòng chức năng, nhà bếp một chiều, nhà ăn cho cháu, kho chứa thực phẩm.	7.287			7.287	**
2	Trường Mẫu giáo Vĩnh Thuận Đông; Hạng mục: xây dựng 04 phòng chức năng, nâng cấp, sữa chữa 06 phòng học, hàng rào 164m, sân chơi 480m²	1.700			1.700	**
E	**Huyện Vị Thủy**	**65.823**	**15.820**	**41.003**	**9.000**	
a	**- Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020**	**41.003**		**41.003**		
1	Trang bị cơ sở vật chất Trường Mầm non Hoa Hồng	600		600		*
2	Trang bị cơ sở vật chất Trường Tiểu học Vị Thanh 3	1.100		1.100		*
3	Xây dựng nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn quốc gia Trường Trung học cơ sở Vị Đông	1.500		1.500		*
4	Trường Mầm non xã Vĩnh Tường (điểm Nông Trường Tràm)	13.000		13.000		*
5	Xây dựng nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn quốc gia Trường Trung học cơ sở Vị Thắng	2.600		2.600		*
6	Xây dựng nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn quốc gia Trường Tiểu học Vị Đông 3	3.200		3.200		*
7	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn quốc gia Trường Tiểu học Vị Đông 2	4.000		4.000		*
8	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn quốc gia Trường Mẫu giáo Vị Thắng	9.003		9.003		*
9	Nâng cấp sửa chữa cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn Trường Tiểu học Vĩnh Trung 2	2.500		2.500		*
10	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn Trường Tiểu học Vĩnh Trung 3	3.500		3.500		*
b	**Các công trình Sở Giáo dục và Đào tạo bổ sung để đạt 80%**	**24.820**	**15.820**	**0**	**9.000**	
1	Trường Tiểu học Vị Trung 1; Hạng mục: xây dựng thêm 02 phòng học, phòng họp, phòng giáo viên, phòng y tế, phòng thường trực, phòng truyền thống, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng bảo vệ, phòng tin học, mua sắm trang thiết bị các phòng chức năng	2.000			2.000	**
2	Trường Tiểu học Vị Thắng 1; Hạng mục: mở rộng diện tích 2.000m² đất, xây dựng mới 06 phòng học, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng tin học, phòng truyền thống, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng bảo vệ, phòng giáo viên, phòng thường trực, khu để xe giáo viên, học sinh, nâng cấp, sửa chữa phòng thiết bị - thư viện, phòng y tế, văn phòng, mua sắm trang thiết bị các phòng chức năng	7.320	7.320			**

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020				Ghi chú
		Nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020				
		Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020	Nguồn ngân sách Trung ương (KCH &NTM)	Nguồn ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hoá	
3	Trường Tiểu học Vị Trung 2; Hạng mục: xây dựng thêm 10 phòng học, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng tin học, phòng truyền thống, phòng thư viện, phòng thiết bị, phòng truyền thống, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng giáo viên, văn phòng, phòng y tế, phòng bảo vệ, khu để xe giáo viên, học sinh; văn phòng, mua sắm trang thiết bị các phòng chức năng	7.000			7.000	**
4	Trường THCS Vị Bình; Hạng mục: diện tích 5.000m², xây dựng mới 10 phòng học, 03 phòng bộ môn, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng thư viện - thiết bị, phòng truyền thống, văn phòng, phòng y tế, phòng họp, phòng giáo viên, phòng nhân viên, phòng các tổ chuyên môn, phòng thường trực, phòng các đoàn thể, sân chơi, sân tập, khu vệ sinh giáo viên, học sinh; khu để xe giáo viên, học sinh; mua sắm trang thiết bị các phòng học, phòng chức năng.	8.500	8.500			**
G	**Huyện Phụng Hiệp**	**56.161**	**23.850**	**30.561**	**1.750**	
a	**- Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020**	**30.561**		**30.561**		
1	Trường THCS Tân Bình	1.800		1.800		*
2	Trường Tiểu học Tân Bình 2	4.500		4.500		*
3	Trường Tiểu học Phương Bình 1	1.120		1.120		*
4	Trường Mẫu giáo thị trấn Kinh Cùng	10.851		10.851		*
5	Trường Tiểu học Phụng Hiệp	2.700		2.700		*
6	Trường THCS Tây Đô	1.190		1.190		*
7	Trường Mẫu giáo Phụng Hiệp	3.900		3.900		*
8	Trường Tiểu học thị trấn Kinh Cùng	4.500		4.500		*
b	**Các công trình Sở Giáo dục và Đào tạo bổ sung để đạt 80%**	**25.600**	**23.850**	**0**	**1.750**	
1	Trường THCS Bình Thành; Hạng mục: xây dựng mới nhà xe, nhà bảo vệ, 04 phòng chức năng	2.100	2.100			**
2	Trường Tiểu học Long Thạnh 1; Hạng mục: mở rộng diện tích đất 4.000m², nhà xe, nhà bảo vệ, xây dựng 06 phòng kiên cố	4.000	4.000			**
3	Trường Mẫu giáo Bình Thành; Hạng mục: xây dựng vườn cổ tích, đồ chơi ngoài trời, nhà bảo vệ, 02 phòng chức năng	1.750			1.750	**
4	Trường Tiểu học Bình Thành; Hạng mục: mở rộng diện tích 5.000m², xây dựng mới hàng rào 150md, nhà xe, nhà bảo vệ, xây dựng 08 phòng học	4.300	4.300			**
5	Trường Tiểu học Tân Bình 4; Hạng mục: mở rộng diện tích 4.000m², xây dựng mới hàng rào 170md, nhà xe, nhà bảo vệ, xây dựng 04 phòng kiên cố, 07 phòng chức năng	5.850	5.850			**
6	Trường Tiểu học Tân Phước Hưng 2; Hạng mục: mở rộng diện tích 7.000m², xây dựng mới hàng rào 180md, nhà xe, nhà bảo vệ, xây dựng 08 phòng học, 06 phòng chức năng	7.600	7.600			**
H	**Huyện Châu Thành**	**78.622**	**43.900**	**26.722**	**8.000**	
a	**Ban giao đưa vào sử dụng 2016 - 2020**	**18.100**		**18.100**		

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020				Ghi chú
		Nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020				
		Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020	Nguồn ngân sách Trung ương (KCH &NTM)	Nguồn ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hoá	
1	Xây dựng Trường Tiểu học Phú An	11.500		11.500		*
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Phú Hữu A (xây dựng các thiết chế để công nhận đạt chuẩn quốc gia)	2.000		2.000		*
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Ngô Hữu Hạnh 5	500		500		*
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Phú Hữu 5	500		500		*
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Đồng Khởi	400		400		*
6	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Phú Hữu	750		750		*
7	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Đông Phú 3 (nâng cấp, sửa chữa các thiết chế để công nhận đạt chuẩn quốc gia)	300		300		*
8	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Đông Thạnh (nâng cấp, sửa chữa các thiết chế để hoàn chỉnh công nhận đạt chuẩn quốc gia)	300		300		*
9	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Phú Hữu (nâng cấp, sửa chữa các thiết chế để công nhận đạt chuẩn quốc gia)	500		500		*
10	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Phú Tân (nâng cấp, sửa chữa các thiết chế để công nhận đạt chuẩn quốc gia)	850		850		*
11	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Ngô Hữu Hạnh	500		500		*
b	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020**	**8.622**		**8.622**		
1	Trường Tiểu học Đông Thạnh 2 (xây mới)	2.900		2.900		*
2	Trường Tiểu học Ngô Hữu Hạnh 2 (mở rộng)	2.500		2.500		*
3	Trường Mầm non Tuổi Thơ	1.222		1.222		*
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Phú Hữu 1 (xây dựng thay thế các phòng tiền chế)	2.000		2.000		*
c	**Các công trình Sở Giáo dục và Đào tạo bổ sung để đạt 80%**	**51.900**	**43.900**	**0**	**8.000**	
1	Trường Mẫu giáo Đông Phú; Hạng mục: xây dựng thêm 6 phòng học và trang thiết bị	3.900	3.900			**
2	Trường Tiểu học Đông Thạnh 1; Hạng mục: xây dựng mới 12 phòng học, 08 phòng chức năng và trang thiết bị	15.000	15.000			**
3	Trường Tiểu học Phú Hữu 4; Hạng mục: xây dựng thêm 8 phòng học, 04 phòng chức năng, 01 nhà vệ sinh, lát sân, cổng hàng rào và trang thiết bị	5.000	5.000			**
4	Trường Tiểu học Ngô Hữu Hạnh 4; Hạng mục: quy hoạch 6.000m² đất xây dựng 12 phòng học, 08 phòng chức năng và trang thiết bị	20.000	20.000			**
5	Trường TH Đông Phú 1; Hạng mục: Xây dựng thêm 10 phòng học và trang thiết bị	8.000			8.000	**
I	**Huyện Châu Thành A**	**110.714**	**39.000**	**69.420**	**2.294**	
a	**- Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020**	**62.629**		**62.629**		
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Tuổi Hồng	8.250		8.250		*
2	Trường Mẫu giáo Trường Long Tây	12.000		12.000		*
3	Trường Mẫu giáo Tuổi Hoa; Hạng mục: hệ thống thoát nước dãy 04 phòng học mới, nhà bảo vệ, bồn chứa nước)	410		410		*
4	Trường Mầm non Vàng Anh (giai đoạn 2)	7.070		7.070		*
5	Nâng cấp sửa chữa Trường Tiểu học Nhơn Nghĩa A	13.000		13.000		*

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020				Ghi chú
		Nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020				
		Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020	Nguồn ngân sách Trung ương (KCH &NTM)	Nguồn ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hoá	
6	Nâng cấp sửa chữa Trường Tiểu học Nhơn Nghĩa A2 (điểm chính)	12.387		12.387		*
7	Nâng cấp sửa chữa Trường Tiểu học Nhơn Nghĩa A2 (điểm Phụ)	612		612		*
8	Nâng cấp sửa chữa Trường THCS Trường Long Tây	2.000		2.000		*
9	Nâng cấp sửa chữa Trường THCS Võ Thị Sáu	2.500		2.500		*
10	Trường Tiểu học Thạnh Xuân 1	1.000		1.000		*
11	Trường Tiểu học Thị trấn Rạch Gòi B	1.000		1.000		*
12	Trường Tiểu học Trường Long A4	2.000		2.000		*
13	Nâng cấp sửa chữa Trường Tiểu học Ngô Quyền	400		400		*
b	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020**	**6.791**		**6.791**		
1	Trường THCS Nhơn Nghĩa A1	6.791		6.791		*
c	**Các công trình Sở Giáo dục và Đào tạo bổ sung để đạt 80%**	**41.294**	**39.000**	**0**	**2.294**	
1	Trường Mẫu giáo Sen Hồng (giai đoạn 2); Hạng mục: xây dựng bổ sung 04 phòng học và 07 phòng chức năng	9.000	9.000			**
2	Trường Tiểu học Nhơn Nghĩa A1; Hạng mục: bồi hoàn thu hồi 8,000m² đất, xây dựng 14 phòng học, 08 phòng chức năng, 1,600m rào và các công trình phụ	8.294	6.000		2.294	**
3	Trường Tiểu học Thạnh Xuân 2; Hạng mục: bồi hoàn thu hồi 5,000m² đất, xây dựng 05 phòng học, 08 phòng chức năng, 1,000m rào và các công trình phụ	10.000	10.000			**
4	Trường Mẫu giáo Tuổi Ngọc (giai đoạn 2); Hạng mục: xây dựng bổ sung 03 phòng học và 05 phòng chức năng	4.000	4.000			**
5	Trường Tiểu học Thị trấn Một Ngàn A (giai đoạn 2); Hạng mục: xây dựng bổ sung 07 phòng học và 05 phòng chức năng	10.000	10.000			**

Chú thích:

* Các dự án đã được HĐND tỉnh cho trương tại Công văn số 160/HĐND - CT.HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2015

** Các dự án bổ sung để đạt tỷ lệ 80% trường chuẩn